

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-32
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-31
PHỤ LỤC SỐ 01: THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	32

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Tuấn Khải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên
Ông Phạm Minh Sơn	Ủy viên
Ông Nhữ Đình Hòa	Ủy viên
Bà Phan Thu Anh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Tuấn Khải	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Thu Anh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Thái Hà	Trưởng ban
Ông Lê Công Thuận	Thành viên
Bà Trịnh Thanh Hà	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Hoàng Tuấn Khải

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2012

Số: /2012/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam được lập ngày 10 tháng 02 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính vấn đề sau:

Công ty đang hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo đó, tại thời điểm 31/12/2011, khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền gửi, nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ đang phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" là 2.427.743.687 đồng. Nếu Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam thì khoản chênh lệch tỷ giá nêu trên cần được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Ngô Đức Đoàn
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2012

Vũ Xuân Biền
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		738.404.998.291	642.756.895.404
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	34.293.091.304	83.297.268.756
111	1. Tiền		33.225.847.467	82.627.609.034
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.067.243.837	669.659.722
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	171.074.992.141	174.692.210.141
121	1. Đầu tư ngắn hạn		186.946.206.924	178.776.892.741
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(15.871.214.783)	(4.084.682.600)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		474.136.285.995	337.938.230.508
131	1. Phải thu của khách hàng		146.678.400.828	227.030.839.137
132	2. Trả trước cho người bán		325.166.607.742	123.252.416.026
135	5. Các khoản phải thu khác	5	17.227.336.381	576.648.068
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(14.936.058.956)	(12.921.672.723)
140	IV. Hàng tồn kho	6	45.338.227.641	39.716.196.509
141	1. Hàng tồn kho		45.338.227.641	39.739.115.857
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(22.919.348)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		13.562.401.210	7.112.989.490
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.135.975.417	3.955.853.882
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	543.303.760	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	8	5.883.122.033	3.157.135.608
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		140.129.000.737	150.507.510.880
220	II. Tài sản cố định		102.599.938.282	115.382.569.577
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	13.980.806.782	11.169.081.618
222	- Nguyên giá		25.209.109.849	20.924.248.244
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.228.303.067)	(9.755.166.626)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	3.151.800.000	3.151.800.000
228	- Nguyên giá		3.151.800.000	3.151.800.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	85.467.331.500	101.061.687.959
240	III. Bất động sản đầu tư	12	7.942.919.355	9.005.183.085
241	- Nguyên giá		22.509.369.075	22.625.744.997
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.566.449.720)	(13.620.561.912)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	29.568.173.400	26.068.173.400
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		29.668.895.429	26.168.895.429
258	3. Đầu tư dài hạn khác		1.250.000.000	1.250.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.350.722.029)	(1.350.722.029)
260	V. Tài sản dài hạn khác		17.969.700	51.584.818
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	17.969.700	51.584.818
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		878.533.999.028	793.264.406.284

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		561.685.667.544	454.941.921.756
310	I. Nợ ngắn hạn		527.101.107.822	437.621.639.972
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	421.986.216.442	348.889.726.438
312	2. Phải trả người bán		66.011.070.866	16.144.868.363
313	3. Người mua trả tiền trước		23.818.697.335	40.043.226.052
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	801.159.523	15.015.708.988
315	5. Phải trả người lao động		1.996.176.076	1.983.915.724
316	6. Chi phí phải trả	17	461.794.623	744.790.039
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	18	7.193.780.149	8.062.920.547
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.832.212.808	6.736.483.821
330	II. Nợ dài hạn		34.584.559.722	17.320.281.784
333	3. Phải trả dài hạn khác		3.736.440.918	3.736.440.918
334	4. Vay và nợ dài hạn	19	30.422.145.300	13.200.620.000
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		351.973.504	383.220.866
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		74.000.000	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		316.848.331.484	338.322.484.528
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	316.848.331.484	338.322.484.528
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		125.948.570.000	125.948.570.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.055.546.923	17.055.546.923
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		6.708.503.470	3.892.413.877
414	4. Cổ phiếu quỹ		(13.297.350.769)	(2.172.860.000)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		2.427.743.687	11.010.357.503
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		133.260.491.891	117.509.228.147
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		23.049.062.312	17.416.883.125
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21.695.763.970	47.662.344.953
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		878.533.999.028	793.264.406.284

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		863.232,12	1.223.158,95
- Đồng Euro (EUR)		5.839,27	5.802,90
- Đồng Yên nhật (JPY)		1.274.322,00	65.274,00

Lê Xuân Chát
Kế toán trưởng

Hoàng Tuấn Khải
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.886.892.021.879	1.179.061.971.842
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.886.892.021.879	1.179.061.971.842
11	4. Giá vốn hàng bán	22	1.790.737.684.836	1.120.349.648.468
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		96.154.337.043	58.712.323.374
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	62.267.493.537	73.534.212.512
22	7. Chi phí tài chính	24	96.279.152.189	44.450.253.296
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		51.448.223.079	22.331.015.712
24	8. Chi phí bán hàng	25	17.378.383.241	12.291.744.380
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	15.202.940.710	8.521.289.738
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		29.561.354.440	66.983.248.472
31	11. Thu nhập khác		345.437.679	753.212.431
32	12. Chi phí khác		218.282.441	8.149.679
40	13. Lợi nhuận khác		127.155.238	745.062.752
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		29.688.509.678	67.728.311.224
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	8.225.890.788	11.378.268.951
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	28.250.400
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		21.462.618.890	56.321.791.873
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.752	6.160

Lê Xuân Chắt

Kế toán trưởng

Hoàng Tuấn Khải

Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		2.164.234.494.196	1.580.542.068.413
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(2.095.048.931.569)		(1.482.714.259.883)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(19.011.668.258)		(16.460.420.951)
04	4. Tiền chi trả lãi vay	(51.606.212.742)		(22.766.250.414)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(15.883.823.534)		(4.301.857.540)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	10.819.805.770		59.589.414.843
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(97.115.009.508)		(135.736.601.461)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(103.611.345.645)	(21.847.906.993)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(4.412.684.796)		(25.080.145.796)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	62.864.000		154.577.500
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(13.947.697.183)		(2.765.100.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	5.778.383.000		33.625.310.859
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(3.500.000.000)		-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-		2.240.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	18.824.018.863		27.555.158.921
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		2.804.883.884	35.729.801.484
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	(11.124.490.769)		(2.171.450.000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	1.911.090.820.815		1.189.778.444.016
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.827.314.489.913)		(1.152.440.266.394)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(19.444.596.080)		(12.360.152.313)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		53.207.244.053	22.806.575.309
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(47.599.217.708)	36.688.469.800

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		83.297.268.756	42.511.539.095
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.404.959.744)	4.097.259.861
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>34.293.091.304</u>	<u>83.297.268.756</u>

Lê Xuân Chắt

Kế toán trưởng

Hoàng Tuấn Khải

Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

1 . THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 125.948.570.000 VND. Tương đương 12.594.857 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các đơn vị thành viên như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Hải Phòng	Số 57 Điện Biên Phủ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Đà Nẵng	Số 191 Hoàng Diệu - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam - (Thành phố Hà Nội)	Số 26B Lê Quốc Hưng - Phường 12 - Quận 4 - Thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam - Xí nghiệp May xuất khẩu Hải Phòng	Km 110 - Quốc lộ 5 - Quận Hải An - Thành phố Hải Phòng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam - Xí nghiệp chế biến nông lâm sản hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu	Cụm công nghiệp Liên Phương - Huyện Thường Tín - Hà Nội

Công ty có các công ty liên kết sau:

Tên công ty	Địa chỉ
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh	Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I	Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Số 53 Quang Trung, Hà Nội

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 13.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản, khoáng sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tạp phẩm, hàng công nghiệp, gia công chế biến trong nước và nhập khẩu, các sản phẩm dệt may (trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh máy móc thiết bị, nguyên nhiên liệu phục vụ sản xuất, vật liệu xây dựng, hóa chất Nhà nước không cấm, phương tiện vận tải;

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Kinh doanh thức ăn và nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy hải sản, hóa chất và giống phục vụ nuôi trồng thủy hải sản, cây giống phục vụ nông nghiệp, phân bón, trang thiết bị y tế, dụng cụ trong ngành y dược (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, tạp phẩm, hóa chất tẩy rửa (trừ hóa chất Nhà nước cấm), mỹ phẩm (trừ loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người), đồ gia dụng, điện máy, điện tử, điện lạnh, rượu, bia, nước giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Sản xuất, gia công, chế biến, lắp ráp: các mặt hàng dệt, may, đồ chơi (trừ loại đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội), đồ gỗ, xe máy, điện tử, điện lạnh, đồ gia dụng, nông, lâm, thủy hải sản;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở và văn phòng, cho thuê văn phòng, căn hộ, bãi, nhà xưởng, phương tiện vận tải, nâng xếp, bốc dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ: chuyển khẩu, quá cảnh, khai thuê hải quan, giao nhận hàng hóa, vận chuyển khách, vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh bánh, kẹo, phụ tùng và thiết bị viễn thông (máy tổng đài và điện thoại các loại), camera;
- Kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm và nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm;
- Kinh doanh các mặt hàng đường, sữa;
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như tài sản cố định khác của Công ty.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu là khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” thì các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Nếu Công ty hạch toán theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam thì toàn bộ khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán với số tiền là 2.427.743.687 đồng sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm 2011.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu kinh doanh bất động sản

Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản, người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi phí thực tế phát sinh sẽ được ghi giảm vào tài khoản phải trả này.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	673.571.751	309.364.701
Tiền gửi ngân hàng	32.552.275.716	82.318.244.333
Các khoản tương đương tiền	1.067.243.837	669.659.722
	34.293.091.304	83.297.268.756

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	186.946.206.924	178.740.892.741
Đầu tư ngắn hạn khác	-	36.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(15.871.214.783)	(4.084.682.600)
	171.074.992.141	174.692.210.141

+ Chi tiết tình hình các khoản đầu tư xem tại Phụ lục số 01 trang 32.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	16.743.200.000	-
Phải thu về người lao động	37.294.814	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	9.012
Phải thu thuế thu nhập cá nhân của người lao động	246.274.803	547.038.074
Phải thu khác	200.566.764	29.600.982
	17.227.336.381	576.648.068

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	26.431.029.278	8.111.112.873
Nguyên liệu, vật liệu	14.183.896	15.295.601
Công cụ, dụng cụ	660.000	-
Hàng hoá	18.892.354.467	31.612.707.383
Cộng giá gốc hàng tồn kho	45.338.227.641	39.739.115.857
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(22.919.348)
Cộng	45.338.227.641	39.716.196.509

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	19.376.280	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	523.927.480	-
	<u>543.303.760</u>	<u>-</u>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Tạm ứng	1.765.900.860	617.799.341
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	4.117.221.173	2.539.336.267
	<u>5.883.122.033</u>	<u>3.157.135.608</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem trang 19 kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	3.151.800.000
Số tăng trong năm	-
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	3.151.800.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	3.151.800.000
Số dư cuối năm	3.151.800.000

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Số dư đầu năm	101.061.687.959	11.525.829.466
Số tăng trong năm	63.422.723.759	89.715.454.857
Số đã kết chuyển tăng tài sản cố định trong năm	(124.518.182)	(179.596.364)
Giảm khác	(78.892.562.036)	-
Số dư cuối năm	85.467.331.500	101.061.687.959
Trong đó, chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	85.467.331.500	101.061.687.959
- Kho Liên Phương	944.770.918	16.915.455
- Kho Đoạn Xá	134.977.971	124.392.516
- Công trình khu Tương Mai (*)	81.424.204.015	100.122.228.574
- Khu Lũy Bán Bích	2.963.378.596	798.151.414
	85.467.331.500	101.061.687.959

(*): Dự án Nhà văn phòng kết hợp dịch vụ thương mại và căn hộ để bán tại 130 Nguyễn Đức Cảnh - Hà Nội với tổng mức đầu tư gần 228 tỷ đồng, quy mô 17 tầng; trong đó từ tầng 1 đến tầng 6 được sử dụng để làm Khu dịch vụ, văn phòng và sân chơi chung, từ tầng 7 đến tầng 17 được sử dụng làm căn hộ để ở. Dự kiến Dự án sẽ đưa vào khai thác và sử dụng từ Quý 2 năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	22.625.744.997
Số tăng trong năm	-
Số giảm trong năm	(116.375.922)
- Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(116.375.922)
Số dư cuối năm	22.509.369.075
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	13.620.561.912
Số tăng trong năm	945.887.808
- Trích khấu hao	945.887.808
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	14.566.449.720
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Đầu năm	9.005.183.085
Cuối năm	7.942.919.355

13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	29.668.895.429	26.168.895.429
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh	1.200.000.000	1.200.000.000
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I	7.500.000.000	4.000.000.000
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	20.968.895.429	20.968.895.429
Đầu tư dài hạn khác	1.250.000.000	1.250.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.350.722.029)	(1.350.722.029)
	29.568.173.400	26.068.173.400

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2011 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh	Quảng Ngãi	20,00%	20,00%	Xây dựng; Mua bán, khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản.
Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I	Hà Nội	30,00%	30,00%	Bất động sản
Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Hà Nội	40,00%	40,00%	Cho thuê văn phòng

Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Hợp Lực Việt Nam	1.250.000.000	1.250.000.000
	1.250.000.000	1.250.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Số dư đầu năm	51.584.818	136.615.702
Số tăng trong năm	115.788.217	51.584.818
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(149.403.335)	(136.615.702)
Số dư cuối năm	17.969.700	51.584.818
Trong đó, chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	17.969.700	51.584.818
	17.969.700	51.584.818

15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	415.986.216.442	348.889.726.438
- Vay ngân hàng	415.986.216.442	348.889.726.438
Nợ dài hạn đến hạn trả	6.000.000.000	-
	421.986.216.442	348.889.726.438

Chi tiết vay ngắn hạn

	31/12/2011	31/12/2011
	USD	Quy đổi VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch ⁽¹⁾	32.780,26	682.747.255
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch ⁽¹⁾	-	43.330.465.945
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ⁽²⁾	477.001,34	9.934.983.909
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ⁽²⁾	-	108.623.096.000
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Hoàng Mai ⁽³⁾	3.512.437,88	73.157.056.164
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Hoàng Mai ⁽³⁾	-	67.367.338.210
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽⁴⁾	548.643,04	11.427.137.237
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽⁴⁾	-	81.082.436.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội ⁽⁵⁾	978.536,38	20.380.955.722
	5.549.398,90	415.986.216.442

Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch	6.000.000.000	-
	6.000.000.000	-

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01.134855/2011/HĐTNHM ngày 23/06/2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 VND (*Bảy mươi tỷ đồng chẵn*);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Công ty cam kết thực hiện đảm bảo khoản vay bằng các biện pháp khi có yêu cầu của ngân hàng.
 - Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác;
 - Tất cả các tài sản thuộc và sẽ thuộc quyền quản lý hoặc sở hữu của Công ty như: Tài sản cố định, vốn góp tại các đơn vị khác...
- (2) Hợp đồng tín dụng số 01-2011/HĐTDHM/CNHN-15-130 ngày 10/03/2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 VND (*Hai trăm tỷ đồng chẵn*);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Kể từ ngày 10/03/2011 đến ngày 28/02/2012;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay được áp dụng theo quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 1240LAV200500026/HĐTD ngày 04/05/2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 VND (*Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn*);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và chi nhánh Hoàng Mai tại từng thời điểm và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức tín chấp.
- (4) Hợp đồng tín dụng số KHTHI 110179/HM ngày 05/05/2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 VND (*Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn*);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác không trái với quy định của pháp luật;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
 - + Lãi suất cho vay: Được ghi trên từng giấy nhận nợ và không thay đổi trong suốt thời hạn cấp tín dụng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức tín chấp.
- (5) Hợp đồng tín dụng số SHB 5L 05/2011/HDHM - PN/SHB-HN/HM.GENERALEXIM ngày 19/05/2011, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 VND (*Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn*);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay được áp dụng theo từng thời kỳ và tung lần nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Doanh thu chuyển về tài khoản Công ty tại SHB. Số tiền chuyển về tài khoản SHB có giá trị tối thiểu là 200% tổng số tiền nhận nợ tại mọi thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	208.813.242	5.185.825.523
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	2.415.456.000
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	7.134.005.266
Thuế Thu nhập cá nhân	379.404.481	177.202.549
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	212.941.800	103.219.650
	801.159.523	15.015.708.988

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước lãi trái phiếu phải trả	461.794.623	620.023.038
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	53.505.000
Trích trước tiền ăn trưa	-	5.110.000
Trích trước tiền thuê đất	-	66.152.001
	461.794.623	744.790.039

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	113.042.067	148.873.643
Bảo hiểm xã hội	50.027.955	37.619.195
Bảo hiểm y tế	8.202.402	4.673.808
Bảo hiểm thất nghiệp	6.438.793	2.759.346
Phải trả cổ tức cho cổ đông khác	1.930.189.617	1.071.984.735
Phải trả cổ tức cho cổ đông vốn Nhà nước	3.416.083.962	4.994.960.924
Phải trả tiền vay Cán bộ phòng Kinh doanh Hồ Chí Minh	1.357.447.579	1.490.337.178
Phải trả, phải nộp khác	312.347.774	311.711.718
	7.193.780.149	8.062.920.547

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

19 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	30.422.145.300	13.200.620.000
- Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch	30.422.145.300	13.200.620.000
	30.422.145.300	13.200.620.000

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

(1) Hợp đồng tín dụng số 01.134855.2009/HĐTĐH ngày 20/07/2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 130.000.000.000 VND (Một trăm ba mươi tỷ đồng chẵn);
- + Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư cho dự án "Khu dịch vụ thương mại, văn phòng và nhà ở để bán" tại 130 Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội;
- + Thời hạn cho vay: Kể từ 20/07/2009 đến hết ngày 19/07/2017;
- + Lãi suất cho vay: Bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của Sở giao dịch Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam + 3% năm nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được thế chấp toàn bộ khối tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của tòa nhà cao tầng tại 130 Nguyễn Đức Cảnh, quận Hoàng Mai, Hà Nội;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 36.422.145.300 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 6.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

Xem trang 26 kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	125.948.570.000	125.948.570.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>125.948.570.000</i>	<i>88.927.330.000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	<i>37.021.240.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>125.948.570.000</i>	<i>125.948.570.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.723.924.000	8.892.592.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>18.723.924.000</i>	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	-	<i>8.892.592.000</i>

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.594.857	12.594.857
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.594.857	12.594.857
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.594.857</i>	<i>12.594.857</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	555.241	61.841
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>555.241</i>	<i>61.841</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.039.616	12.533.016
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.039.616</i>	<i>12.533.016</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	133.260.491.891	117.509.228.147
Quỹ dự phòng tài chính	23.049.062.312	17.416.883.125
	156.309.554.203	134.926.111.272

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh bất động sản	112.956.594.132	-
Doanh thu bán hàng hóa	1.756.385.592.217	1.164.888.722.102
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.549.835.530	14.173.249.740
	1.886.892.021.879	1.179.061.971.842

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh bất động sản	78.832.944.036	-
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.694.368.208.659	1.114.573.765.495
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.559.451.489	5.775.882.973
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(22.919.348)	-
	1.790.737.684.836	1.120.349.648.468

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	27.224.003.703	11.075.053.315
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	22.315.395.141
Cổ tức, lợi nhuận được chia	18.471.218.863	22.234.888.100
Lãi bán ngoại tệ	-	345.604.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	16.572.270.971	17.363.271.956
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	200.000.000
	62.267.493.537	73.534.212.512

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	51.448.223.079	18.516.583.512
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	3.419.693.399	171.575.230
Lãi trái phiếu phải trả khi đáo hạn	-	3.814.432.200
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	29.560.447.052	17.423.256.464
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	11.816.532.159	3.964.169.100
Chi phí tài chính khác	34.256.500	560.236.790
	96.279.152.189	44.450.253.296

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	300.000	880.000
Chi phí nhân công	6.455.603.176	5.111.517.527
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.106.258.317	743.035.079
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.974.195.991	4.954.734.227
Chi phí khác bằng tiền	1.842.025.757	1.481.577.547
	17.378.383.241	12.291.744.380

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	6.191.900	17.044.182
Chi phí nhân công	6.295.682.835	4.497.237.073
Chi phí khấu hao tài sản cố định	322.432.642	131.326.006
Thuế, phí, lệ phí	147.725.713	98.893.376
Chi phí dự phòng	2.025.145.946	584.649.073
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(1.108.687.840)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.934.233.579	3.822.787.584
Chi phí khác bằng tiền	471.528.095	478.040.284
	15.202.940.710	8.521.289.738

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

27 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kinh doanh chính	Kinh doanh Bất động sản
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.215.053.469)	32.903.563.152
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(18.286.290.766)	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	184.928.097	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức được chia)	(18.471.218.863)	-
Tổng lợi nhuận chịu thuế	(21.501.344.235)	32.903.563.152
Tổng lợi nhuận tính thuế	(21.501.344.235)	32.903.563.152
- Lợi nhuận không được hưởng ưu đãi thuế	(21.501.344.235)	32.903.563.152
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	8.225.890.788
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	8.225.890.788

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	21.462.618.890	56.321.791.873
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.462.618.890	56.321.791.873
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.250.818	9.143.261
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.752	6.160

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:**

	Hoạt động kinh doanh Xuất nhập khẩu	Hoạt động kinh doanh Bất động sản	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.773.935.427.747	112.956.594.132	1.886.892.021.879
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(3.342.208.712)	32.903.563.152	29.561.354.440
Tài sản không phân bổ	-	-	878.533.999.028
Tổng tài sản			878.533.999.028
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	561.685.667.544
Tổng nợ phải trả			561.685.667.544

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Góp vốn vào công ty			
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I	Công ty liên kết	3.500.000.000	2.000.000.000
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I	Công ty liên kết	108.000.000	80.000.000
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I	Công ty liên kết	-	935.315.000
Cổ tức được chia			
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Công ty liên kết	16.620.000.000	3.896.000.000
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	Đầu tư khác	1.827.649.200	13.200.000.000
Lãi cho vay vốn, lãi chậm thanh toán			
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh	Công ty liên kết	-	1.499.253.826

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
		VND	VND
Phải thu tiền hàng			
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I	Công ty liên kết	-	20.000.000
Phải thu tiền ứng trước			
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I	Công ty liên kết	381.761.000	-
Phải thu cổ tức			
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Công ty liên kết	16.743.200.000	3.896.000.000
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	Đầu tư khác	-	13.200.000.000
Phải thu lãi cho vay, lãi chậm trả			
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh	Công ty liên kết	5.085.653.361	7.592.468.474
Phải trả tiền hàng			
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I	Công ty liên kết	-	245.191.100

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Lê Xuân Chất

Kế toán trưởng

Hoàng Tuấn Khải

Tổng Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	13.717.070.176	3.167.786.144	3.418.375.088	621.016.836	-	20.924.248.244
Số tăng trong năm	240.894.104	1.663.893.385	2.662.200.000	124.614.636	-	4.691.602.125
- Mua sắm mới	-	1.663.893.385	2.662.200.000	124.614.636	-	4.450.708.021
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	124.518.182	-	-	-	-	124.518.182
- Bất động sản đầu tư chuyển sang	116.375.922	-	-	-	-	116.375.922
Số giảm trong năm	-	(406.740.520)	-	-	-	(406.740.520)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(406.740.520)	-	-	-	(406.740.520)
Số dư cuối năm	13.957.964.280	4.424.939.009	6.080.575.088	745.631.472	-	25.209.109.849
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	4.502.725.061	1.630.999.938	3.018.264.618	603.177.009	-	9.755.166.626
Số tăng trong năm	1.019.376.057	381.785.826	390.156.876	56.195.275	-	1.847.514.034
- Trích khấu hao	1.019.376.057	381.785.826	390.156.876	56.195.275	-	1.847.514.034
Số giảm trong năm	-	(374.377.593)	-	-	-	(374.377.593)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(374.377.593)	-	-	-	(374.377.593)
Số dư cuối năm	5.522.101.118	1.638.408.171	3.408.421.494	659.372.284	-	11.228.303.067
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	9.214.345.115	1.536.786.206	400.110.470	17.839.827	-	11.169.081.618
Số dư cuối năm	8.435.863.162	2.786.530.838	2.672.153.594	86.259.188	-	13.980.806.782

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	88.927.330.000	5.963.670.000	-	(1.410.000)	1.137.976.736	74.620.591.508	9.632.055.370	61.416.126.942	241.696.340.556
Tăng vốn trong năm	37.021.240.000	11.091.876.923	-	-	-	-	-	-	48.113.116.923
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	56.321.791.873	56.321.791.873
Phân phối lợi nhuận	-	-	3.892.413.877	-	-	41.768.748.333	7.784.827.755	(60.063.093.556)	(6.617.103.591)
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-	-	(8.892.592.000)	(8.892.592.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(2.171.450.000)	-	-	-	-	(2.171.450.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	(1.137.976.736)	-	-	-	(1.137.976.736)
Thuế TNDN được miễn giảm	-	-	-	-	-	1.119.888.306	-	(1.119.888.306)	-
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	-	-	11.010.357.503	-	-	-	11.010.357.503
Số dư cuối năm trước	125.948.570.000	17.055.546.923	3.892.413.877	(2.172.860.000)	11.010.357.503	117.509.228.147	17.416.883.125	47.662.344.953	338.322.484.528
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	21.462.618.890	21.462.618.890
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.816.089.593	-	-	15.751.263.744	5.632.179.187	(24.199.532.524)	-
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	-	(18.723.924.000)	(18.723.924.000)
Trích quỹ KT, PL	-	-	-	-	-	-	-	(4.505.743.349)	(4.505.743.349)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(11.124.490.769)	-	-	-	-	(11.124.490.769)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	(11.010.357.503)	-	-	-	(11.010.357.503)
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	-	-	2.427.743.687	-	-	-	2.427.743.687
Số dư cuối năm nay	125.948.570.000	17.055.546.923	6.708.503.470	(13.297.350.769)	2.427.743.687	133.260.491.891	23.049.062.312	21.695.763.970	316.848.331.484

(*): Công ty đang hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo đó, tại thời điểm 31/12/2011, khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền gửi, nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ đang phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" là 2.427.743.687 đồng. Nếu Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam thì khoản chênh lệch tỷ giá nêu trên cần được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Nhà nước	46.107.170.000	36,61%	46.107.170.000	36,61%
Vốn góp của đối tượng khác	79.841.400.000	63,39%	79.841.400.000	63,39%
	125.948.570.000	100,00%	125.948.570.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP VIỆT NAM

Số 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục số 01: Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty*Đơn vị tính: VND*

Tên Cổ phiếu	Mã cổ phiếu	Giá trị ghi sổ		Giá trị thị trường		Dự phòng
		Số lượng	Giá trị	Đơn giá	Thành tiền	
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	EIB	13.023.962	164.077.449.141	14.300	186.242.656.600	-
- Cổ phiếu Công ty Xi măng Bút Sơn	BTS	21	348.600	3.500	73.500	(275.100)
- Cổ phiếu Công ty Tài chính Dầu khí	PVF	2	30.000	7.200	14.400	(15.600)
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Tân Tạo	ITA	40.000	369.038.800	6.500	260.000.000	(109.038.800)
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch	VCR	241.000	3.077.040.000	5.500	1.325.500.000	(1.751.540.000)
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall	WSS	1.745.500	19.019.775.383	3.000	5.236.500.000	(13.783.275.383)
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	REE	15.527	402.525.000	11.300	175.455.100	(227.069.900)
Tổng cộng		15.066.012	186.946.206.924		193.240.199.600	(15.871.214.783)

Đối với chứng khoán đã niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày 31/12/2011; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày 31/12/2011.